

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG – TP. HÀ NỘI
Số: 08/2021/QĐST-KDTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 24, khoản 7 điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 60/2021/TLST- KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VN

Trụ sở: số VIII, phường L, quận Đ, Hà Nội.

Đại diện pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đại diện ủy quyền: Ông Phạm TA – Phó Giám đốc Trung tâm Pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, VN Hội sở; Ông Phan Văn N, ông Đào Văn L – cán bộ xử lý nợ (văn bản ủy quyền số 2161/2021/UQ-VPB ngày 11/6/2021)

Bị đơn: Công ty TNHH phát triển thương mại VP

Trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà K, phố L, phường P, quận H, Hà Nội

Đại diện pháp luật: Ông Vũ Mạnh C – Giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Mạnh C, SN 1980

HKTT: Tầng 2, Tòa nhà K, phố L, phường P, quận H, Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP VN (VN hay Ngân hàng) và công ty TNHH phát triển thương mại VP (viết tắt là công ty VP) đã ký kết những hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo số 116-C-261044 ngày 23/05/2018, Hợp đồng cho vay hạn mức số 200519-2692486-01-SME ngày 21/05/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức số 070518-3054882-01-SME ngày 14/05/2018, Ông Vũ Mạnh C – Chức vụ: Giám đốc vay vốn của VN với tổng số tiền là **4.832.325.988 đồng (Bốn tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng)**. Cụ thể như sau:

1.Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo số 116-C-261044 ngày 23/05/2018:

- Hạn mức sử dụng thẻ: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)
- Mục đích sử dụng vốn thông qua việc phát hành thẻ: Phục vụ hoạt động kinh doanh.
- Lãi suất và phương thức tính lãi: lãi được cộng dồn hàng ngày theo dư nợ của Chủ thẻ và được tính theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định từng thời kỳ.
- Thời hạn Hạn mức thẻ tín dụng thẻ: 60 tháng
- Lãi suất quá hạn:
 - + Trong vòng 60 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán, nếu Khách hàng không thanh toán đủ trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trên Sao kê kỳ gần nhất: phần trị giá thanh toán tối thiểu chưa thanh toán sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng. Số dư nợ còn lại (sau khi đã trừ đi trị giá thanh toán tối thiểu) vẫn được tính theo mức lãi cho vay trong hạn đang áp dụng.
 - + Sau 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán đầu tiên mà khách hàng không thanh toán đủ trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trên Sao kê kỳ gần nhất: Toàn bộ dư nợ của khách hàng sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng;

- Ngoài khoản lãi quá hạn, khách hàng phải thanh toán khoản phạt chậm trả (nếu có) theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

2.Hợp đồng cho vay hạn mức số 200519-2692486-01-SME ngày 21/05/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức số 070518-3054882-01-SME ngày 14/05/2018 và 28 khế ước nhận nợ kèm theo. Công ty VP vay vốn của VN với tổng số tiền là: 4.732.325.988 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm ba mươi hai triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng).

Cụ thể như sau:

- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh mua bán gỗ.

- Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2.1 Khế ước nhận nợ số: 230718-2692486-01-SME ngày 23/07/2018:

- Số tiền nhận nợ: 150.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 23/07/2018 đến ngày 23/07/2019
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 18.0%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 23/08/2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 11.1%/năm.

2.2 Khế ước nhận nợ số: 310718-2692486-01-SME ngày 31/07/2018:

- Số tiền nhận nợ: 146.386.208 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 31/07/2018 đến ngày 31/07/2019
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 18.0%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 31/08/2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 11.1%/năm.

2.3 Khế ước nhận nợ số: 160818-2692486-01-SME ngày 16/08/2018:

- Số tiền nhận nợ: 170.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 16/08/2018 đến ngày 16/08/2019
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 18.0%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 16/09/2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 11.1%/năm.

2.4 Khế ước nhận nợ số: 310818-2692486-01-SME ngày 31/08/2018:

- Số tiền nhận nợ: 143.390.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 31/08/2018 đến ngày 31/08/2019

- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 18.0%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 31/09/2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 11.1%/năm.

2.5 Khế ước nhận nợ số: 110918-2692486-01-SME ngày 11/09/2018:

- Số tiền nhận nợ: 140.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 11/09/2018 đến ngày 11/09/2019
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 18.0%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 11/10/2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 11.1%/năm.

2.6. Khế ước nhận nợ số: 260918-2692486-01-SME ngày 26/09/2018:

- Số tiền nhận nợ: 118.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 26/09/2018 đến ngày 26/09/2019
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 18.0%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/10/2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 11.1%/năm.

2.7 Khế ước nhận nợ số: 031018-2692486-01-SME ngày 03/10/2018:

- Số tiền nhận nợ: 107.434.220 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 03/10/2018 đến ngày 03/10/2019
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 18.0%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 03/11/2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 11.1%/năm.

2.8. Khế ước nhận nợ số: 161018-2692486-01-SME ngày 16/10/2018:

- Số tiền nhận nợ: 150.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 16/10/2018 đến ngày 16/10/2019

- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 18.3%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 16/11/2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 11.1%/năm.

2.9. Khế ước nhận nợ số: 021118-2692486-01-SME ngày 02/11/2018:

- Số tiền nhận nợ: 131.950.260 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 02/11/2018 đến ngày 02/11/2019
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.0%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 02/12/2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.6%/năm.

2.10. Khế ước nhận nợ số: 121118-2692486-01-SME ngày 12/11/2018:

- Số tiền nhận nợ: 145.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 12/11/2018 đến ngày 12/11/2019
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.0%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 12/12/2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.6%/năm.

2.11. Khế ước nhận nợ số: 271118-2692486-01-SME ngày 27/11/2018:

- Số tiền nhận nợ: 139.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 27/11/2018 đến ngày 27/11/2019
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.3%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 27/12/2018. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.6%/năm.

2.12. Khế ước nhận nợ số: 071218-2692486-01-SME ngày 07/12/2018:

- Số tiền nhận nợ: 133.165.300 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 07/12/2018 đến ngày 07/12/2019
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.5%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều

chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 07/01/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.6%/năm.

2.13. Khế ước nhận nợ số: 211218-2692486-01-SME ngày 21/12/2018:

- Số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 21/12/2018 đến ngày 21/12/2019
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.5%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/01/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.6%/năm.

2.14. Khế ước nhận nợ số: 030119-2692486-01-SME ngày 03/01/2019:

- Số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 03/01/2019 đến ngày 03/01/2020
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.5%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 03/02/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.6%/năm.

2.15. Khế ước nhận nợ số: 110119-2692486-01-SME ngày 11/01/2019:

- Số tiền nhận nợ: 150.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 11/01/2019 đến ngày 11/01/2020
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.5%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 11/02/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.6%/năm.

2.16. Khế ước nhận nợ số: 280119-2692486-01-SME ngày 28/01/2019:

- Số tiền nhận nợ: 160.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 28/01/2019 đến ngày 28/01/2020
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.5%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 28/02/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.6%/năm.

2.17. Khế ước nhận nợ số: 130219-2692486-01-SME ngày 13/02/2019:

- Số tiền nhận nợ: 141.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 13/02/2019 đến ngày 13/02/2020

- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.5%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 13/03/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.6%/năm.

2.18. Khế ước nhận nợ số: 260219-2692486-01-SME ngày 26/02/2019:

- Số tiền nhận nợ: 173.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 26/02/2019 đến ngày 26/02/2020
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.5%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/03/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.6%/năm.

2.19. Khế ước nhận nợ số: 180319-2692486-01-SME ngày 18/03/2019:

- Số tiền nhận nợ: 145.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 18/03/2019 đến ngày 18/03/2020
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.5%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 18/04/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.6%/năm.

2.20. Khế ước nhận nợ số 260319-2692486-01-SME ngày 26/03/2019:

- Số tiền nhận nợ: 144.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 26/03/2019 đến ngày 26/03/2020
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.5%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/04/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.6%/năm.

2.21. Khế ước nhận nợ số: 170419-2692486-01-SME ngày 17/04/2019:

- Số tiền nhận nợ: 140.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 17/04/2019 đến ngày 17/04/2020
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.5%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 17/05/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.6%/năm.

2.22.Khế ước nhận nợ số: 020519-2692486-01-SME ngày 02/05/2019:

- Số tiền nhận nợ: 170.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 02/05/2019 đến ngày 02/05/2020
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.5%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 02/06/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.6%/năm.

2.23.Khế ước nhận nợ số: 130519-2692486-01-SME ngày 13/05/2019:

- Số tiền nhận nợ: 90.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 13/05/2019 đến ngày 13/05/2020
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.5%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 13/06/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.6%/năm.

2.24.Khế ước nhận nợ số: 230519-2692486-01-SME ngày 23/05/2019

- Số tiền nhận nợ: 230.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 23/05/2019 đến ngày 23/05/2020
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.0%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 23/06/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.9%/năm.

2.25.Khế ước nhận nợ số 260619-2692486-01-SME ngày 26/06/2019:

- Số tiền nhận nợ: 200.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 26/06/2019 đến ngày 26/06/2020
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.0%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/07/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.9%/năm.

2.26.Khế ước nhận nợ số 160719-2692486-01-SME ngày 16/07/2019:

- Số tiền nhận nợ: 115.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 16/07/2019 đến ngày 16/07/2020
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 18.0%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời

hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 16/08/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10.5%/năm.

2.27. Khế ước nhận nợ số 110619-2692486-01-SME ngày 11/6/2019

- Số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 6 tháng, từ ngày 11/06/2019 đến ngày 11/12/2019
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.0%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 11/07/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.9%/năm.

2.28. Khế ước nhận nợ số 210519-2692486-01-SME ngày 21/11/2019:

- Số tiền nhận nợ: 900.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 6 tháng, từ ngày 21/05/2019 đến ngày 21/11/2019
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 17.0%/năm. Cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/06/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.9%/năm.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

Theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VN-2692486 – Chi nhánh Ngô Quyền ngày 21/05/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số 140518-2692486-01-SME/HĐBL; Bên bảo lãnh ông Vũ Mạnh C đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty VP trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 200519-2692486-01-SME ngày 21/05/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức số 070518-3054882-01-SME ngày 14/05/2018 và các hợp đồng văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty VP và VN bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Hai bên xác nhận ngày 15/8/2019 công ty VP đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Hai bên xác nhận Công ty VP phải thanh toán cho VP Bank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng; tạm tính đến ngày 21/6/2021 số tiền là:

+ Đối với Hợp đồng thế số 116-C-261044 ngày 24/5/2018 không có tài sản bảo đảm:

- Nợ gốc thẻ: 99.594.766 đồng;
- Nợ lãi thẻ: 95.023.443 đồng;
- Tổng cộng: 194.618.209

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số 200519-2692486-01-SME ngày 21/5/2019 số tiền nợ: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Hợp đồng cho vay hạn mức số 070518-3054882-01-SME ngày 14/5/2018 số tiền nợ: 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm đồng). Phụ lục hợp đồng số 01 sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 0705183054882-01-SME ngày 14/5/2021 và kèm theo 28 khế ước nhận nợ:

- Nợ gốc: 2.973.808.318 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 43.831.696 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 1.446.224.845 đồng
- Phạt chậm trả: 153. 943.773 đồng
- Tổng cộng: 4.617.808.632 (Bốn tỷ sáu trăm mười bảy triệu tám trăm linh tám nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng) .

Tổng cộng khoản nợ thẻ và nợ tín dụng là: 4.812.426.841 đồng (bốn tỷ tám trăm mười hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi một đồng).

Hai bên thống nhất phương thức thanh toán như sau:

Công ty VP sẽ thanh toán cho Ngân hàng VN các khoản nợ trên trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 25/7/2021. Mỗi tháng công ty VP sẽ thanh toán 10.000.000 đồng vào ngày 25 hàng tháng. Đến ngày 25/1/2022 công ty VP sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ vay.

Trong trường hợp Công ty VP không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VP Bank buộc ông Vũ Mạnh C có nghĩa vụ trả thay Công ty VP toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng và văn bản tín dụng trên.

Kể từ ngày 22/6/2021 Công ty VP tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến ngày Công ty VP thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Công ty VP, ông Vũ Mạnh C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VP Bank, Ngân hàng có quyền thực hiện theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng bảo lãnh số 140518-2692486-01-SME ngày 14/5/2018 và Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VN – 2692486 ngày 21/5/2019 được ký kết giữa ông Vũ Mạnh C và Ngân hàng TMCP VN, để thu hồi khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 200519-2692486-01-SME ngày 21/5/2019 và

Hợp đồng cho vay hạn mức số 070518-3054882-01-SME ngày 14/5/2018 cùng 28 Khế ước nhận nợ nêu trên.

Về án phí: Công ty VP đồng ý chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 56.406.213 đồng (năm mươi sáu triệu bốn trăm linh sáu ngàn hai trăm mười ba đồng). Ngân hàng được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 50.122.673 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí đã nộp số AA 0003557 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lại Nguyệt Ánh